

Huy động trên kênh TPDN chậm lại trong T11

- Giá trị TPDN phát hành thành công trong T11 chỉ đạt 38.8 nghìn tỷ đồng (-42% so với T10, +6.3% svck). Lũy kế 11T25, tổng giá trị TPDN phát hành đạt gần 539.3 nghìn tỷ đồng, tăng 42.6% svck.
- Lợi suất TPCP kỳ hạn 10N tăng mạnh lên mức cao nhất kể từ T3/23 tại 4.15%/năm vào giữa T12 trong bối cảnh nhu cầu về TPCP gia tăng.

Trái phiếu Doanh nghiệp

Huy động trên thị trường TPDN chậm lại trong tháng 11

Thị trường TPDN T11 ghi nhận 43 đợt phát hành với tổng giá trị phát hành chỉ đạt 38.8 nghìn tỷ đồng (-42% so với T10, +6.3% svck), là mức thấp nhất kể từ T3/25. Trong đó, quy mô phát hành của nhóm Ngân hàng tiếp tục giảm tháng thứ hai liên tiếp với tổng giá trị đạt hơn 22.1 nghìn tỷ đồng (-24.7% so với T10, -11.1% svck). Nhóm Bất động sản cũng ghi nhận sự sụt giảm mạnh, với quy mô phát hành giảm gần 61% so với T10 khi đạt 12.8 nghìn tỷ đồng. Các DN có tổng giá trị phát hành cao trong tháng bao gồm: CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn (4 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 24 tháng, lãi suất 12.5%), CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Quang (2.5 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 84 - 108 tháng, lãi suất 9% - 9.1%), Công ty TNHH MTV Vipico (2.28 nghìn tỷ, kỳ hạn 96 tháng, lãi suất 9.3%). Đáng chú ý, tổng giá trị TPDN phát hành trong tháng của các doanh nghiệp liên quan đến hệ sinh thái TNR Holdings đạt gần 7.2 nghìn tỷ đồng, cho thấy dần sự trở lại của nhóm doanh nghiệp này trên thị trường, với sự tham gia của hai cái tên mới là Công ty TNHH MTV Vipico và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tam Trinh.

Trên thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á đã phát hành thành công 150 triệu USD trái phiếu tại Singapore với kỳ hạn 60 tháng và lãi suất 5.93%. Đây là đợt phát hành trái phiếu quốc tế thứ ba của doanh nghiệp Việt Nam trong năm 2025, qua đó nâng tổng giá trị phát hành trái phiếu quốc tế lũy kế từ đầu năm lên khoảng 500 triệu USD, tăng 233% so với cả năm 2024.

Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị TPDN phát hành đạt 539.3 nghìn tỷ đồng, tăng 42.6% svck. Lãi suất TPDN bình quân gia quyền trong 11T25 ước đạt khoảng 7.18%.

Ngân hàng là nhóm ngành có giá trị phát hành cao nhất với gần 368 nghìn tỷ đồng (+37.7% svck), chiếm tỷ trọng 68.2%. Lãi suất bình quân gia quyền ở mức 5.9%/năm, kỳ hạn bình quân 4.5 năm. Các ngân hàng có giá trị phát hành lớn nhất từ đầu năm đến nay gồm có: TCB (48.3 nghìn tỷ đồng), ACB (36.5 nghìn tỷ đồng), và OCB (35.2 nghìn tỷ đồng).

Nhóm **Bất động sản** chiếm tỷ trọng 22.9% với tổng giá trị phát hành đạt 123.6 nghìn tỷ đồng, tăng 109.6% svck. Lãi suất bình quân gia quyền nhóm bất động sản là 10.2%/năm, kỳ hạn bình quân là 3.11 năm. Các doanh nghiệp phát hành giá trị lớn nhất bao gồm: Tập đoàn Vingroup (25 nghìn tỷ đồng), CTCP Vinhomes (15 nghìn tỷ đồng) và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Trường Minh (10 nghìn tỷ đồng).

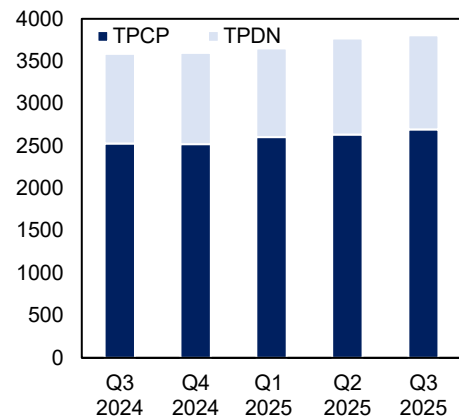
Giá trị TPDN mua lại trước hạn giảm tháng thứ ba liên tiếp

Trong T11, giá trị TPDN mua lại trước hạn tiếp tục giảm tháng thứ ba liên tiếp, đạt khoảng 17.9 nghìn tỷ đồng. Trong đó, nhóm Ngân hàng chiếm tỷ trọng áp đảo 72.2%, tương ứng 12.9 nghìn tỷ đồng, trong khi nhóm Bất động sản ghi nhận mức mua lại khoảng 3.7 nghìn tỷ đồng, chiếm 20.8%. Lũy kế 11T25, khoảng 278.7 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn (+60.5% svck), phần lớn nhờ giá trị mua lại của nhóm Ngân hàng (chiếm 68.6% tổng giá trị mua lại, +50.4% svck) và nhóm Bất động sản (chiếm 17% tổng giá trị mua lại, +129% svck).

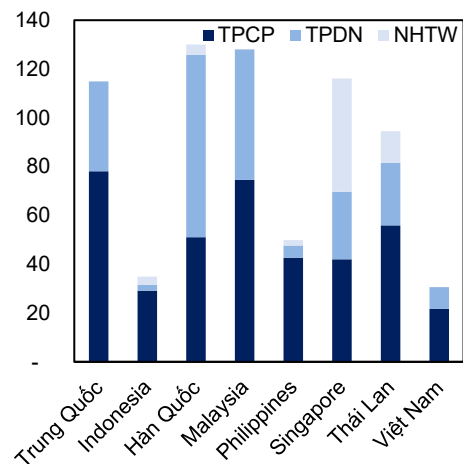
Tháng 11 ghi nhận 6 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi

Về tình hình chậm trả, T11 ghi nhận 6 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi với giá trị chậm trả khoảng 406.8 tỷ đồng. Trong đó có 1 mã trái phiếu công bố chậm

Dư nợ thị trường trái phiếu Việt Nam theo quý (Nghìn tỷ đồng)



Quy mô thị trường trái phiếu các nước trong khu vực (% GDP Q3 2025)



Chuyên viên phân tích

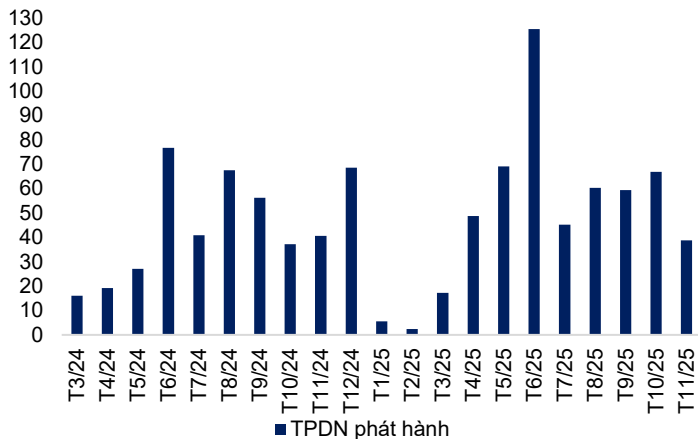


Đinh Hà Anh

Anh.DinhHa@mbs.com.vn

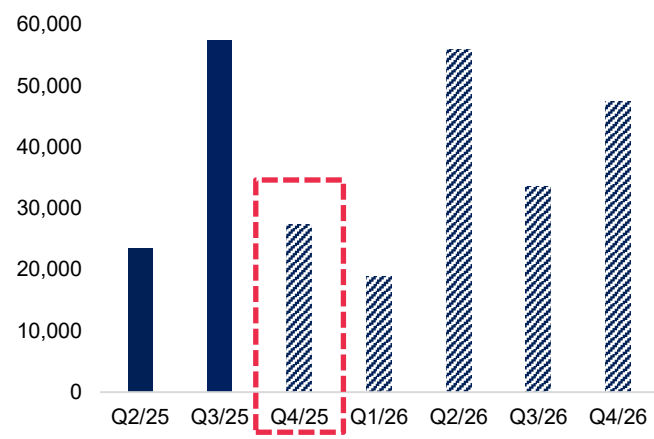
trả lần đầu với tổng mệnh giá 3 nghìn tỷ đồng. Lũy kế 11T2025, tổng giá trị phát hành của các TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán ước khoảng 70.8 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 5.2% dư nợ TPDN của toàn thị trường, trong đó nhóm Bất động sản chiếm tỷ trọng cao nhất với 69%.

Hình 1: Giá trị TPDN phát hành thành công theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 15/12)



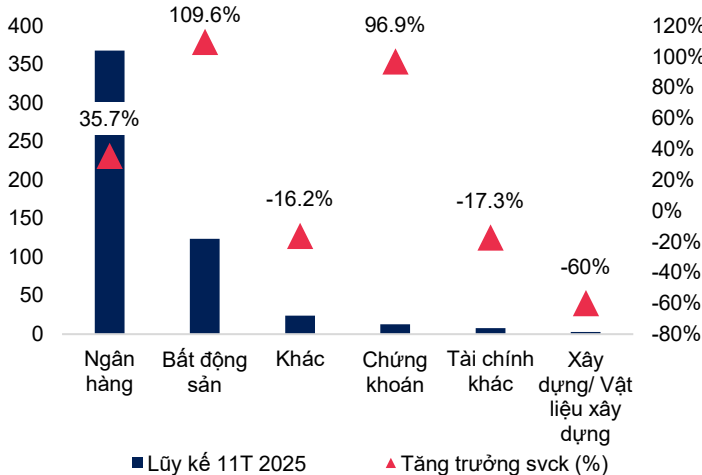
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 2: Ước tính khối lượng TPDN đáo hạn theo quý (Đơn vị: Tỷ đồng)



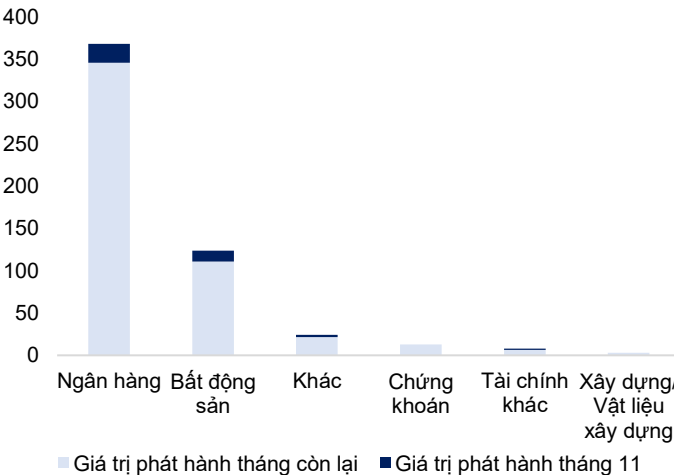
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 3: Giá trị TPDN phát hành thành công của các nhóm ngành trong lũy kế từ đầu năm (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



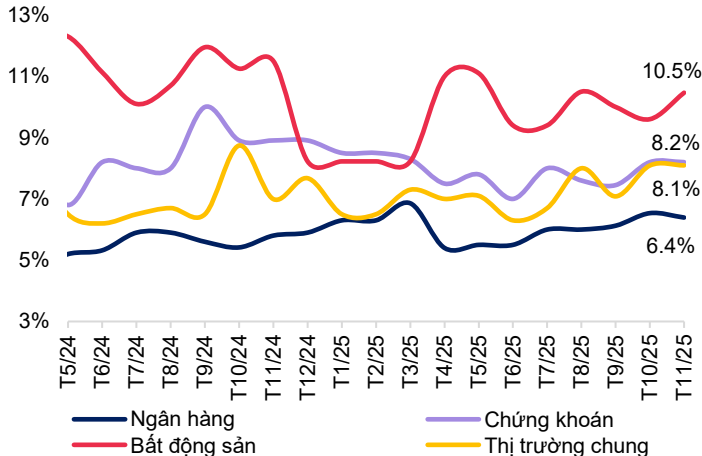
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 4: Cơ cấu giá trị TPDN phát hành lũy kế từ đầu năm 2025 theo ngành (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



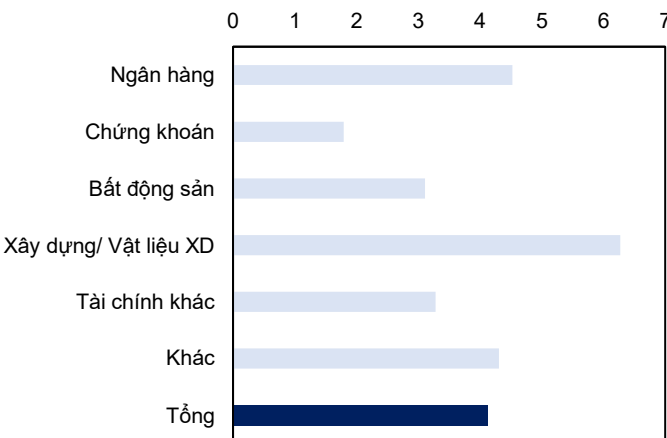
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 5: Lãi suất bình quân tháng của TPDN theo nhóm ngành (%/năm)



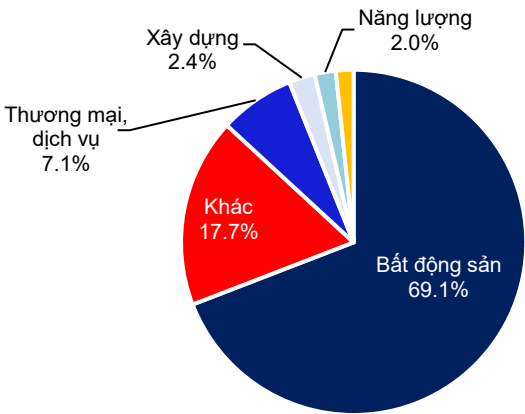
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 6: Kỳ hạn trung bình TPDN phát hành trong năm 2025 theo nhóm ngành (năm)



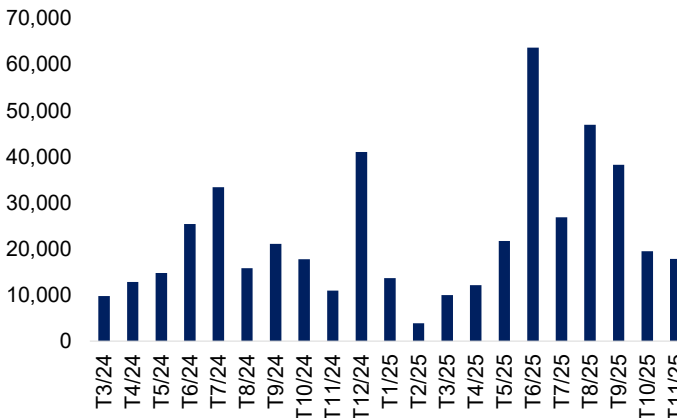
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 7: Từ đầu năm đến nay, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán là khoảng 70.8 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu TPDN chậm nghĩa vụ thanh toán theo ngành



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 8: Giá trị mua lại TPDN trước hạn theo tháng (Đơn vị: Tỷ đồng) (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 15/12)



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Trái Phiếu Chính Phủ

Thị trường sơ cấp

KBNN phát hành thành công 23,490 tỷ đồng TPCP trong kỳ với lợi suất trúng thầu tăng ở tất cả các kỳ hạn

Trong T11, KBNN giảm quy mô chào bán TPCP, với tổng giá trị gọi thầu là 54 nghìn tỷ đồng - giảm 20% so với T10. Trong đó, có 23.5 nghìn tỷ đồng được huy động thành công, tương ứng tỷ lệ trúng thầu đạt 43.5% - tăng 2.4 điểm phần trăm so với tháng trước. Theo đó, khối lượng TPCP phát hành trong hai tháng 10 và 11 mới chỉ hoàn thành 35.3% kế hoạch Q4. Lũy kế 11 tháng đầu năm 2025, KBNN đã phát hành tổng cộng hơn 306.9 nghìn tỷ đồng TPCP, tương đương 61.4% kế hoạch cả năm, trong đó kỳ hạn 10N chiếm tỷ trọng lớn nhất với hơn 252.3 nghìn tỷ đồng. Theo thông báo ngày 27/11, KBNN dự kiến sẽ phát hành thêm khoảng 49 nghìn tỷ đồng TPCP trong tháng 12.

Trong bối cảnh nhu cầu vốn cho đầu tư công tiếp tục tăng, lợi suất trái phiếu tại tất cả các kỳ hạn được điều chỉnh tăng từ 2 - 6 điểm cơ bản, nhằm thu hút dòng tiền. Cụ thể, lợi suất kỳ hạn 5N tăng 2 điểm cơ bản lên 3.16%, trong khi lợi suất kỳ hạn 10N tăng 6 điểm cơ bản so với phiên cuối tháng 10, lên mức 3.86%.

Hình 9: Kết quả phát hành TPCP từ đầu năm 2025 đến nay (Tỷ đồng)

Kỳ hạn	Kế hoạch KBNN 2025	KBNN đã phát hành 2025	% Kế hoạch KBNN 2025
3 Năm	40,000	0	
5 Năm	100,000	38,777	39%
7 Năm	10,000	0	0%
10 Năm	230,000	252,372	110%
15 Năm	85,000	12,230	14%
20 Năm	10,000	500	5%
30 Năm	25,000	3,041	12%
Tổng	500,000	306,919	61.4%

Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/11/2025

Nguồn: KBNN, HNX, MBS Research

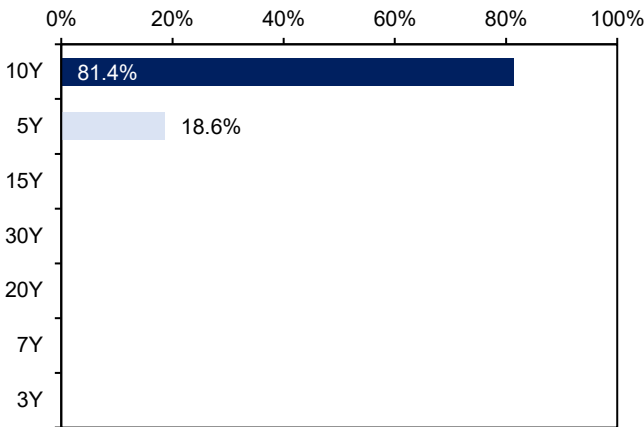
Hình 10: Kết quả đấu thầu TPCP KBNN T11/2025 (%)

Kỳ hạn	Giá trị chào bán	Giá trị trúng thầu	Tỷ lệ trúng thầu	Lợi suất
3N				
5N	12,000	4,380	37%	3.1% - 3.16%
7N				
10N	34,000	19,110	56%	3.83% - 3.86%
15N	6,000	0	0%	0.00%
20N				
30N	2,000	0	0%	0.00%
Tổng	54,000	23,490	43.5%	Đơn vị: tỷ đồng

*Tính đến thời điểm 30/11/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

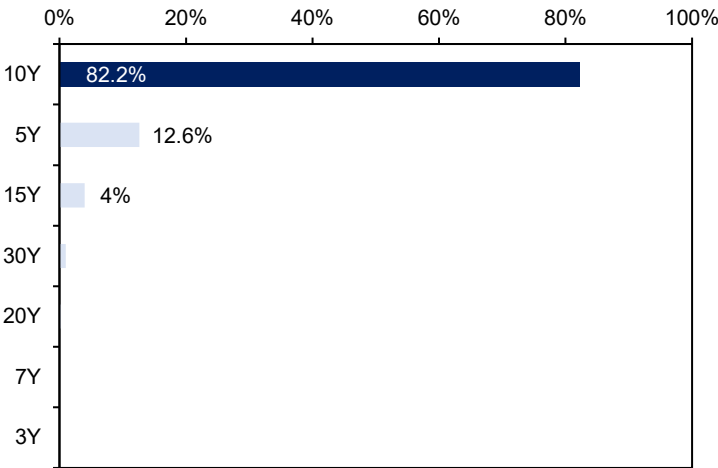
Hình 11: Tỷ trọng TPCP phát hành T11/2025



*Tính đến thời điểm 30/11/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

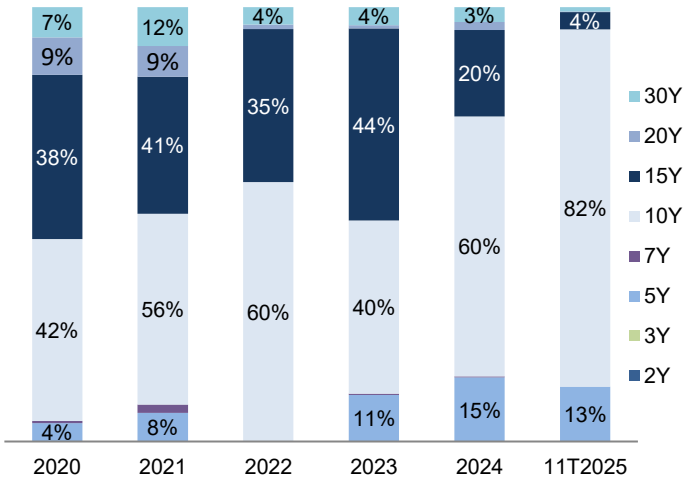
Hình 12: Tỷ trọng TPCP phát hành trong năm 2025



*Tính đến thời điểm 30/11/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 13: Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm



Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 14: Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia

Tính đến ngày 30/11/2025

Thị Trường	Đóng cửa	Tuần trước*	Tháng trước*	31/12/2024
Mỹ	4.01	-5.01	-6.4	-55.6
EU	2.69	-1.46	5.5	32.2
Nhật Bản	1.81	3.40	14.3	67.6
Trung Quốc	1.83	1.78	3.4	15.6
Hàn Quốc	6.51	-1.12	-2.6	-25.4
Ấn Độ	6.32	13.35	24.0	-70.2
Malaysia	3.35	7.00	28.7	47.4
Singapore	3.44	0.20	-5.8	-38.2
Indonesia	4.76	-5.51	5.9	-64.7
Philippines	2.10	14.21	14.1	-77.7
Thái Lan	1.76	0.32	-1.1	-53.0
Việt Nam	3.89	3.20	7.2	92.3

* Số điểm cơ bản thay đổi so với thời điểm chốt dữ liệu

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

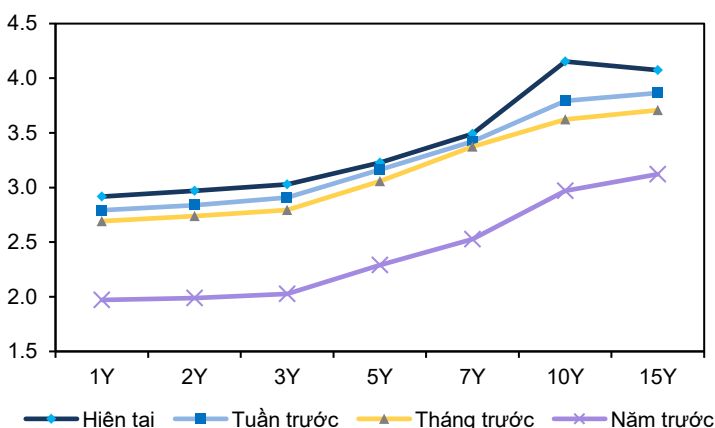
Thị trường thứ cấp

Lợi suất TPCP duy trì xu hướng tăng trong tháng tại tất cả các kỳ hạn. Tổng giá trị giao dịch bình quân trên thị trường TPCP thứ cấp giảm 25.1% so với tháng trước. NĐTNN mua ròng 298 tỷ đồng TPCP trong tháng 11.

Lợi suất kỳ hạn 10N tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong suốt T11. Đến cuối tháng, lợi suất kỳ hạn 10N neo ở mức 3.89%/năm (+7 điểm cơ bản so với cuối tháng trước); và tiếp tục tăng mạnh lên mức cao nhất kể từ T3/23 tại 4.15%/năm vào giữa T12. Đà tăng diễn ra trong bối cảnh nhu cầu về TPCP gia tăng với vai trò làm tài sản đảm bảo cho các giao dịch OMO của hệ thống ngân hàng. Áp lực thanh khoản đã gia tăng mạnh mẽ từ giữa T11 trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng tăng nhanh gấp gần 1.4 lần tốc độ tăng trưởng huy động vốn, theo đó, kéo theo việc nhu cầu vay qua kênh OMO của các NHTM tăng mạnh. Trong khi đó, lợi suất kỳ hạn 2N đến cuối T11 cũng tăng 6 điểm cơ bản so với T10 lên mức 2.9%/năm.

Giá trị giao dịch bình quân ngày trên thị trường TPCP thứ cấp đạt 12.6 nghìn tỷ đồng, giảm 25.1% so với tháng trước. Trong đó, giao dịch Outright chiếm 80.4% khối lượng trong kỳ với khoảng 203 nghìn tỷ đồng. Bình quân giao dịch gần 10.2 nghìn tỷ đồng/ngày, giảm 16.8% so với bình quân tháng trước. Giá trị giao dịch Repos bình quân giảm 46.9% so với tháng trước, với giá trị giao dịch ghi nhận 2.48 nghìn tỷ đồng/ngày - mức thấp nhất kể từ đầu năm tới nay. Trong tháng 11, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng 298 tỷ đồng, đưa lượng mua ròng lũy kế của khối ngoại từ đầu năm 2025 lên mức 3.04 nghìn tỷ đồng.

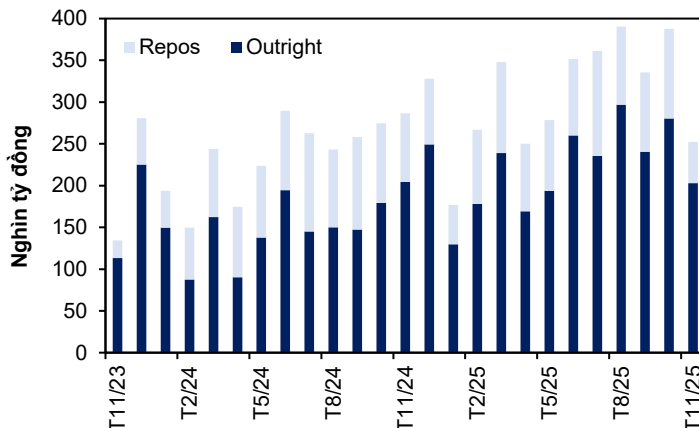
Hình 15: Lợi suất TPCP (%)



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/11

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

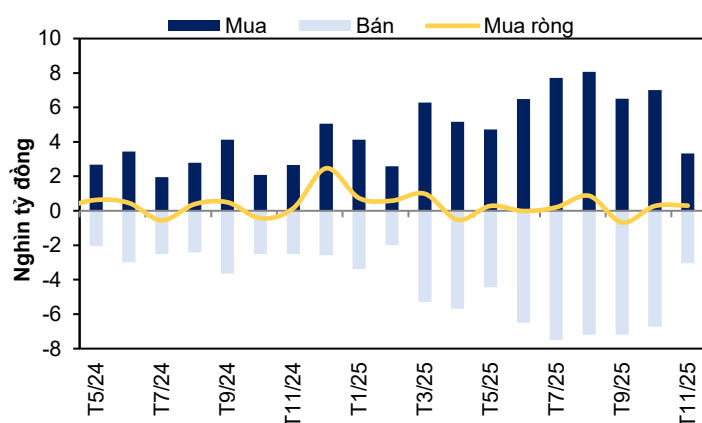
Hình 16: GTGD Outright và Repos trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/11

Nguồn: HNX, MBS Research

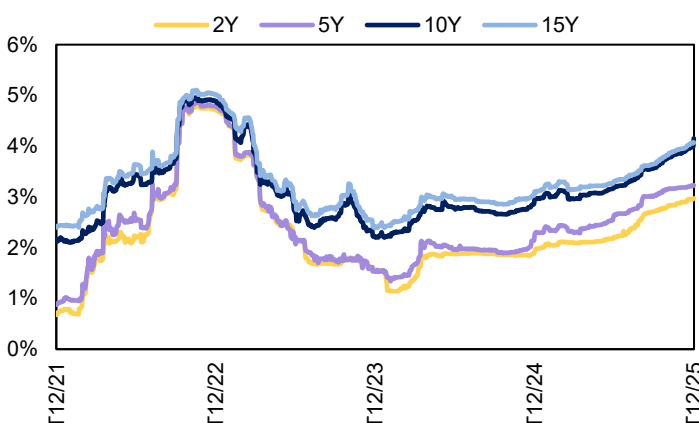
Hình 17: Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/11

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 18: Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/11

Nguồn: HNX, MBS Research

Phụ lục

Hình 19: Các doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN lớn nhất trong năm 2025

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	2 - 3	48,250	5.0% - 6.5%
Ngân hàng TMCP Á Châu	2 - 5	36,450	4.95% - 6.3%
Ngân hàng TMCP Phương Đông	2 - 3	35,200	5.1% - 6.6%
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	3 - 5	32,965	5.2% - 6.2%
Ngân hàng TMCP Quân Đội	3 - 10	29,844	5.0% - 6.48%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2 - 20	25,058	5.68% - 6.6%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	2 - 3.2	25,000	11.0%-12.5%
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2 - 15	22,470	5.2% - 6.68%
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	3 - 10	17,550	5.8% - 7.88%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	8 - 15	16,350	5.73%-6.35%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 20: Các doanh nghiệp phát hành trái phiếu có lãi suất cao nhất trong năm 2025

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
CTCP Tập Đoàn Khải Hoàn Land	5	80	13.5%
CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn	2	8,000	12.5%
CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	3	7,500	12.0%-12.5%
Công ty TNHH Công Nghiệp - Bất Động Sản và Xây dựng Song Phương	5	389	12.0%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sài Gòn Xanh	5	192	12.0%
CTCP Tập đoàn đầu tư Tây Bắc	3	120	11.5%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	2 - 3.2	25,000	11.0%-12.5%
CTCP Vinhomes	3.25 - 3.5	15,000	11.0%
CTCP Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	3	3,714	11.0%
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	3	660	11.0%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 21: Danh sách trái phiếu hoàn thành đợt phát hành trong tháng 10 và tháng 11

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
EVF	Công ty Tài chính cổ phần Điện Lực	10/2025	180	7.25%	60
	CTCP Kinh doanh F88	10/2025	250	10.0%	18
KHG	CTCP Tập Đoàn Khải Hoàn Land	10/2025	80	13.5%	60
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	10/2025	1,000	6.5%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	10/2025	600	6.3%	24
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10/2025	100	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10/2025	138	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10/2025	100	5.93%	120
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10/2025	100	5.83%	96
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	10/2025	500	7.47%	96
	Công ty Cổ phần Chứng khoán UP	10/2025	13	9.0%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10/2025	500	6.2%	24
VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	10/2025	1,000	8.0%	12
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	10/2025	1,000	6.5%	36
SHS	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	10/2025	360	8.0%	12
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	10/2025	800	6.3%	36
	Công ty TNHH Mặt Trời Hạ Long	10/2025	408	7.54%	60

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	10/2025	2,500	6.8%	84
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	10/2025	500	6.3%	36
	CTCP May - Diêm Sài Gòn	10/2025	500	9.0%	108
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	10/2025	1,575	7.18%	96
	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Hải Đăng	10/2025	3,800	8.95%	12
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	10/2025	450	7.48%	84
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	10/2025	350	7.18%	96
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	10/2025	900	7.02%	84
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	10/2025	100	7.17%	120
	Công ty Cổ phần Thời Đại Mới T&T	10/2025	2,500	8.95%	12
	Công ty Cổ phần Thời Đại Mới T&T	10/2025	5,550	9.45%	36
	Công ty TNHH Hưng Phát Invest Hà Nội	10/2025	7,650	9.0%	18
	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Trường Minh	10/2025	4,500	9.8%	36
VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	10/2025	299.4	7.6%	84
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	10/2025	1,000	6.1%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10/2025	2,000	6.68%	84
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	10/2025	2,000	6.1%	36
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	10/2025	300	7.03%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10/2025	100	6.3%	180
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10/2025	75	6.0%	120
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10/2025	347	5.68%	84
	CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Quang	10/2025	1,000	9.1%	108
EVF	Công ty Tài chính cổ phần Điện Lực	10/2025	300	7.0%	60
	CTCP Phát triển TN	10/2025	2,950	8.75%	60
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	10/2025	2,000	6.1%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10/2025	120	6.78%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10/2025	270.9	7.28%	120
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	10/2025	50	7.48%	84
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	10/2025	3,000	6.0%	36
DSE	CTCP Chứng khoán DNSE	10/2025	1,000	8.3%	24
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	10/2025	380	7.65%	84
	CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn	10/2025	4,000	12.5%	24
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	10/2025	2,000	6.5%	36
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	10/2025	2,000	6.5%	36
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	10/2025	2,000	6.5%	36
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	10/2025	120	8.2%	71
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	10/2025	200	7.18%	96
CMG	CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC	10/2025	1,250	5.5%	120
VPI	CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	10/2025	135	10.0%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	11/2025	408.3	7.28%	120
	CTCP May - Diêm Sài Gòn	11/2025	470	9.0%	108
	Công ty TNHH MTV Vipico	11/2025	500	9.3%	96
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	11/2025	250	5.9%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	11/2025	1,000	6.5%	24
	CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Quang	11/2025	500	9.1%	108
	CTCP Tasco Auto	11/2025	145	10.0%	48
BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	11/2025	660	10.3%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	11/2025	59.1	7.38%	120
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	11/2025	1,000	6.2%	36
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	11/2025	1,000	5.2%	36

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	11/2025	800	6.7%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	11/2025	500	6.68%	84
	Công ty TNHH MTV Vipico	11/2025	1,000	9.3%	96
	CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Quang	11/2025	1,000	9.0%	96
	CTCP Kinh doanh F88	11/2025	100	9.0%	12
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	11/2025	3,000	6.4%	36
IPA	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	11/2025	1,416	9.5%	60
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	11/2025	800	6.7%	36
	Công ty cổ phần dịch vụ cáp treo Bà Nà	11/2025	500	10.5%	60
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	11/2025	1,500	6.6%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	11/2025	16.5	7.98%	120
	CTCP May - Diêm Sài Gòn	11/2025	1,000	9.0%	108
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11/2025	156	6.13%	120
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11/2025	590	6.08%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11/2025	702	6.03%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11/2025	150	6.6%	180
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	11/2025	1,000	10.0%	60
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	11/2025	1,000	6.7%	36
	Công ty cổ phần dịch vụ cáp treo Bà Nà	11/2025	750	10.5%	60
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	11/2025	300	7.6%	72
	CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Quang	11/2025	1,000	9.0%	84
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	11/2025	1,000	6.7%	36
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	11/2025	1,500	7.03%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11/2025	360	6.0%	24
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	11/2025	1,000	12.0%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	11/2025	150	7.68%	120
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11/2025	100	6.03%	84
	Công ty TNHH MTV Vipico	11/2025	780	9.3%	96
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	11/2025	2,000	6.5%	36
	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tam Trinh	11/2025	900	9.2%	96
	CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn	11/2025	4,000	12.5%	24
SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	11/2025	3,771.6	5.93%	60

Nguồn: HNX, MBS Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:
Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội
Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

KHOI NGHIEN CUU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu <i>Trần Thị Khánh Hiền</i>	Trưởng phòng <i>Nguyễn Tiến Dũng</i>	
Vĩ mô & Chiến lược thị trường <i>Ngô Quốc Hưng</i> <i>Nghiêm Phú Cường</i> <i>Đinh Hà Anh</i>	Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính <i>Đinh Công Luyện</i> <i>Phạm Thị Thanh Hương</i>	Bất động sản - VLXD <i>Nguyễn Minh Đức</i> <i>Lê Hải Thành</i> <i>Phạm Thị Thanh Huyền</i>
Logistics – Vật liệu cơ bản <i>Võ Đức Anh</i>	Công nghiệp – Năng Lượng <i>Nguyễn Hà Đức Tùng</i> <i>Mai Duy Anh</i>	Dịch vụ - Tiêu dùng <i>Nguyễn Quỳnh Ly</i>